



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC

# TIẾNG VIỆT

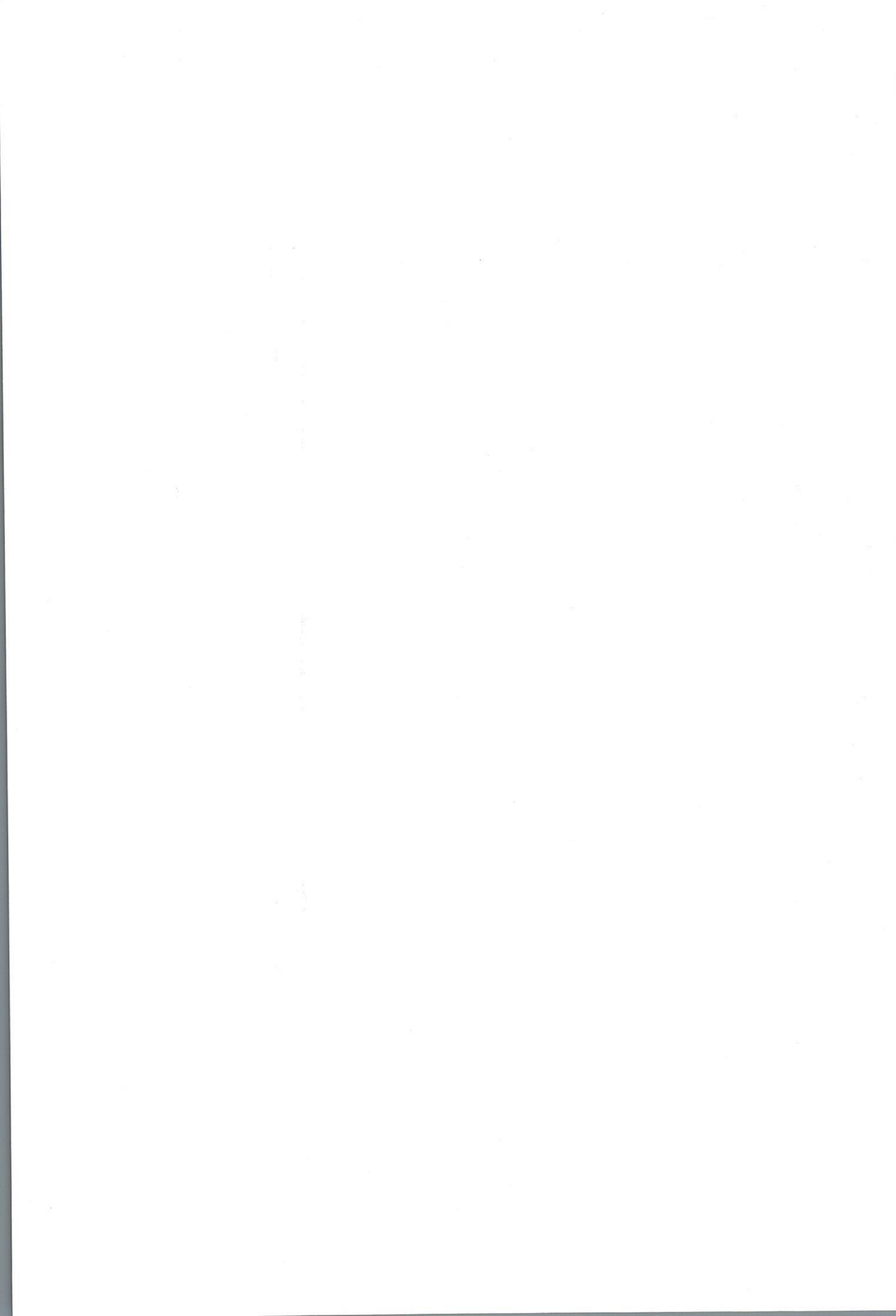
LỚP

2

Quyển 1



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2020





# TUẦN 1: EM LÀ HỌC SINH

## **TẬP ĐỌC**

“Có công mài sắt, có ngày nên kim” (truyện ngụ ngôn)

“Tự thuật”

## **KỂ CHUYỆN**

“Có công mài sắt, có ngày nên kim”

## **CHÍNH TẢ**

Tập chép, Nghe – viết

Phân biệt c/k, l/n, an/ang. Bảng chữ cái

### **I. Kiến thức**

#### **1. Quy tắc viết c/k**

– Âm **k** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: “chữ kí”, “dòng kẻ”, “kể chuyện”, ...

– Âm **c** đứng trước các âm còn lại như **o, a, u, ...**

Ví dụ: “con tôm”, “cần cù”, “can đảm”, ...

#### **2. Phân biệt l/n**

Ví dụ: “lo lắng”, “no nê”, “lắng nghe”, “nắng mưa”, ...

#### **3. Phân biệt an/ang**

Ví dụ: “san sát”, “sang trọng”, “âm vang”, ...

### **II. Bài tập**

#### **Bài 1. Điền vào chỗ trống c hay k?**

– \_\_\_\_ ày sâu \_\_\_\_ uốc bằm.

– \_\_\_\_ ốc mò \_\_\_\_ ò xơi.

– \_\_\_\_ én cá chọn \_\_\_\_ anh.

– \_\_\_\_ ể vai sát \_\_\_\_ ánh.

#### **Bài 2. Điền vào chỗ trống l hay n?**

– Mặt trời \_\_\_\_ ên cao.

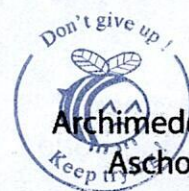
– Ánh sáng \_\_\_\_ ung \_\_\_\_ inh.

– Có chí thì \_\_\_\_ ên.

– \_\_\_\_ á \_\_\_\_ ành đùm \_\_\_\_ á rách.

– Mặt trời \_\_\_\_ ặt.

– \_\_\_\_ ói thì hay, bắt tay thì dở.





**Bài 3.** Điền vào chỗ trống **l** hay **n**?

“Tới đây tre \_\_\_\_\_ ứa \_\_\_\_\_ à nhà  
Giỏ phong \_\_\_\_\_ an \_\_\_\_\_ ở nhánh hoa nhụy vàng  
Trưa \_\_\_\_\_ ằm đưa võng, thoáng sang  
Một \_\_\_\_\_ àn hương mỏng, mênh mang nghĩa tình.”

(Theo Tố Hữu)

**Bài 4.** Điền vào chỗ trống **an** hay **ang** (thêm dấu thanh nếu cần):

- a. Trời vừa s \_\_\_\_\_, Linh đã m \_\_\_\_\_ đ \_\_\_\_\_ đến nhà Hà để học chơi đ \_\_\_\_\_.
- b. Mấy đứa nhỏ đi l \_\_\_\_\_ th \_\_\_\_\_ trong sân trường để tìm quả b \_\_\_\_\_ rơi.
- c. Mấy chú n \_\_\_\_\_ con đã d \_\_\_\_\_ hàng ng \_\_\_\_\_ đi kiếm mồi.

**Bài 5.** Hà xếp tên các bạn trong bàn theo thứ tự bảng chữ cái như sau: Hà, Chi, Mai, An.  
Em giúp bạn xếp lại cho đúng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

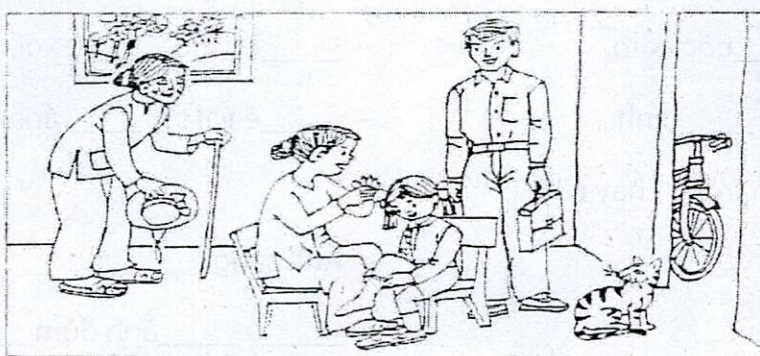
**LUYỆN TỪ VÀ CÂU** Từ, câu

**I. Kiến thức**

- Các từ: “bàn”, “ghế”, “trường lớp”, “học tập”, “cô giáo”, “học sinh”, ...
  - Dùng từ đặt thành câu để trình bày một sự việc.
- Ví dụ: “Ngôi trường của em rất khang trang và sạch đẹp.”

**II. Bài tập**

**Bài 1.** Quan sát bức tranh dưới đây và tìm từ ngữ gọi tên các sự vật:





a. Từ chỉ người:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Từ chỉ con vật:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Từ chỉ đồ vật:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 2.** Gạch dưới các từ ngữ không thuộc nhóm trong mỗi dòng sau:

a. Nhóm chỉ đồ dùng học tập:

bút chì, bút mực, thước kẻ, cái quạt, sách vở, cặp sách

b. Nhóm chỉ hoạt động của học sinh:

đọc, viết, vẽ, hát, xây nhà, nghe giảng

c. Nhóm chỉ tính nết tốt đẹp của học sinh:

chăm chỉ, lừa dối, siêng năng, ngoan ngoãn, đoàn kết

**Bài 3.** Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp:

học sinh, hát, múa, bạn bè, ngoan ngoãn, cần cù, đọc, viết, cô giáo, chăm chỉ

a. Từ chỉ người:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Từ chỉ hoạt động của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Từ chỉ tính nết, tính cách của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 4.** Tìm những từ ngữ chỉ đồ vật theo mô tả sau:

a. Dài và thẳng, dùng để đo chiều dài.

b. Tập giấy được đóng lại để viết, thường có bìa bọc ngoài.

c. Thường có hình chữ nhật, có nhiều ngăn, dùng để đựng đồ dùng học tập.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--





**Bài 5.** Cho 3 từ: "bé", "bà", "yêu". Sắp xếp các từ trên thành hai câu khác nhau và ghi lại (viết hoa đầu câu).


**Bài 6.** Viết câu:

a. Nói về hoạt động vui chơi của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

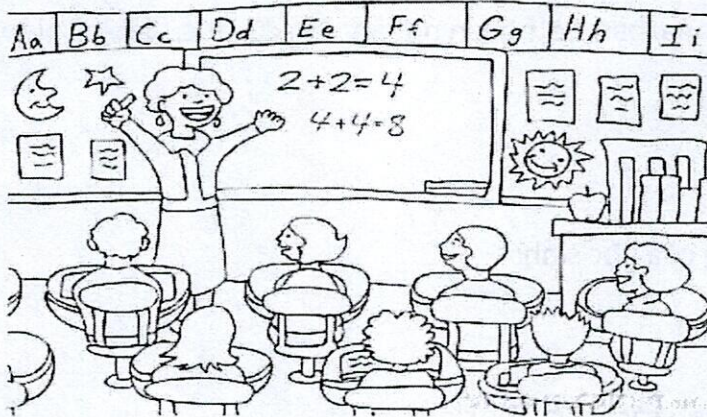
b. Nói về hoạt động vẽ tranh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Nói về hoạt động chơi thể thao:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 7.** Viết 3 câu để mô tả hành động của các nhân vật trong bức tranh dưới đây:






**TẬP LÀM VĂN** Tự giới thiệu

Câu và bài

**I. Kiến thức**

- Giới thiệu bản thân: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, quê quán, nơi ở hiện nay, lớp học và trường học.
- Ngoài ra, có thể giới thiệu thêm về sở thích, sở trường, môn học yêu thích, món ăn ưa thích...
- Chú ý sắp xếp các câu theo trình tự hợp lí.

**II. Bài tập****Bài 1.** Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời giới thiệu bản thân:

“Xin chào các bạn! Mình tên là \_\_\_\_\_, sinh ngày \_\_\_\_\_  
 tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_. Mình là học sinh lớp \_\_\_\_\_, trường \_\_\_\_\_.  
 Sở thích của mình là \_\_\_\_\_.  
 Môn học yêu thích là \_\_\_\_\_.  
 Mình rất mong được kết bạn, học tập và chia sẻ cùng các bạn.”

**Bài 2.** Viết 3 đến 5 câu giới thiệu về một người bạn của em.






# PHIẾU CUỐI TUẦN 01

## I. Đọc – hiểu

Đọc bài thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

### Ngày hôm qua đâu rồi?

Em cảm thờ lịch cũ:

- Ngày hôm qua đâu rồi?

Ra ngoài sân hỏi bố

Xoa đầu em, bố cười.

Ngày hôm qua ở lại

Trong hạt lúa mẹ trồng

Cánh đồng chờ gặt hái

Chín vàng màu ước mong.

- Ngày hôm qua ở lại

Trên cành hoa trong vườn

Nụ hồng lớn lên mãi

Đợi đến ngày tỏa hương.

- Ngày hôm qua ở lại

Trong vở hồng của con

Con học hành chăm chỉ

Là ngày qua vẫn còn.

(Bế Kiến Quốc)

1. Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?

a. Tờ lịch ngày hôm qua đâu rồi?

b. Điểm 10 trong vở của con đâu rồi?

c. Bạn nhỏ hỏi bố ngày hôm qua đâu rồi.

2. Ngày hôm qua ở lại trong những sự vật nào?

a. cành hoa, hạt lúa, vở hồng

b. cành hoa, nụ hồng, tỏa hương

c. hạt lúa, cánh đồng

3. Viết tiếp ý của mỗi khổ thơ cho thành câu:

a. Khổ thơ 2: Ngày hôm qua ở lại \_\_\_\_\_

b. Khổ thơ 3: Ngày hôm qua ở lại \_\_\_\_\_

c. Khổ thơ 4: Ngày hôm qua ở lại \_\_\_\_\_

4. Em cần làm gì để không lãng phí thời gian?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



## II. Bài tập

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống **c** hoặc **k, l** hoặc **n** cho thích hợp:

- Trên cành cây, những giọt sương \_\_\_\_\_ ong \_\_\_\_\_ anh.
- Mẹ vừa mua cho Lan một chiếc \_\_\_\_\_ ính \_\_\_\_\_ ận mới.
- Dưới \_\_\_\_\_ ằng hè, cây phượng rực \_\_\_\_\_ ủa với những chùm hoa tươi rói.

**Bài 2.** Tìm ít nhất 5 từ (theo mẫu):

a. Chỉ các loài hoa: "hồng", "sen"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chỉ các loại quả: "dưa", "nhãn"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Chỉ các bộ phận của cây: "rễ", "gốc"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Chỉ các loài cây: "cam", "ổi"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 3.** Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại (viết hoa đầu câu):

a. bố mẹ / một / chiếc cặp sách / tặng / em / mới / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. năm nay / lớp / em / học / hai / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 4.** Đặt câu với mỗi từ sau: "chăm ngoan", "cẩn thận", "lắng nghe".






## TUẦN 2: EM LÀ HỌC SINH

### TẬP ĐỌC

"Phần thưởng" (Theo Blai-tơn)

"Làm việc thật là vui" (Theo Tô Hoài)

### KỂ CHUYỆN

"Phần thưởng"

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt s/x, g/gh, ăn/ăng. Bảng chữ cái

#### I. Kiến thức

##### 1. Phân biệt s/x

Ví dụ: "dòng sông", "xa xôi", "sinh sôi", "xuất sắc", ...

##### 2. Quy tắc viết g/gh

– Âm **gh** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: "ghi nhớ", "ghen tị", "ghế đá", ...

– Âm **g** đứng trước các âm còn lại như **a, ă, â, o, ô, ơ, ...**

Ví dụ: "nhà ga", "gấp gáp", "gỗ xoan", ...

##### 3. Phân biệt ăn/ăng

Ví dụ: "lăn tăn", "trăng sao", "hăng say", "săn sàng", ...

#### II. Bài tập

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống **s/x** cho thích hợp:

a. "Đế Mèn đứng trên bục, cúi đầu, \_\_\_\_\_ oã tóc rối bất thần ngẩng phắt lên. Lá vàng phủ kín hai bên bờ, tiếng gió \_\_\_\_\_ ào \_\_\_\_\_ ạc nói với lá. Giai điệu trữ tình trong \_\_\_\_\_ uốt của anh vang \_\_\_\_\_ a."

b. "Tự \_\_\_\_\_ a \_\_\_\_\_ ưa thuở nào

Trong rừng \_\_\_\_\_ anh \_\_\_\_\_ âu thăm

Đôi bạn \_\_\_\_\_ ống bên nhau

Bê Vàng và Dê Trắng..."

("Gọi bạn" – Định Hải)



**Bài 2.** Điền vào chỗ trống **g** hay **gh**?

nhà \_\_\_\_\_ a                      \_\_\_\_\_ ập \_\_\_\_\_ ềnh                      tấm \_\_\_\_\_ ương  
 bàn \_\_\_\_\_ ế                      \_\_\_\_\_ à \_\_\_\_\_ ô                      \_\_\_\_\_ i nhớ

**Bài 3.** Điền vào chỗ trống **ă**n hoặc **â**ng (thêm dấu thanh nếu cần):

- a. Chiếc kh \_\_\_\_\_ tr \_\_\_\_\_ tinh.
- b. Mặt tr \_\_\_\_\_ sắp l \_\_\_\_\_.
- c. Không gian yên l \_\_\_\_\_, mặt hồ gợn sóng l \_\_\_\_\_ t \_\_\_\_\_.

**Bài 4.** Gạch dưới các từ viết sai rồi sửa lại:

xa cách                      giọt xương                      ngôi sao                      thiếu xót  
 sơ sinh                      sứ giả                      sản xuất                      xơ xuất  
 suất sắc                      sinh sống                      xử dụng                      suất hiện


**LUYỆN TỪ VÀ CÂU** Mở rộng vốn từ (từ ngữ về học tập)

Dấu chấm hỏi

**I. Kiến thức**

- 1. Mở rộng vốn từ về học tập: "tập viết", "học hỏi", "bài tập", "học kì", ...
- 2. Dấu chấm hỏi được đặt ở cuối câu, dùng để kết thúc một câu hỏi (câu nghi vấn).

Ví dụ: "Hôm nay, thời tiết thế nào nhỉ?"

**II. Bài tập**

**Bài 1.** Ghép những tiếng sau để tạo các từ:

học, bài, bạn, trường, hỏi, kì








**Bài 6.** Khoanh vào chữ cái trước các câu sử dụng đúng dấu câu:

- a. Em học lớp mấy?
- b. Trường học của em ở đâu.
- c. Mẹ em tên là Ngọc.
- d. Em đã làm xong bài tập về nhà chưa?
- e. Cô giáo dạy lớp một của em tên là gì.

**Bài 7.** Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thích hợp vào ô trống:

- a. Các bạn của em học có giỏi không
- b. Quyển sách này giá bao nhiêu ạ
- c. Khi nào chúng mình được nghỉ hè nhỉ
- d. Tớ ước trở thành cô tiên trong truyện cổ tích
- e. Em rất yêu ngôi trường của mình
- f. Có phải mùa xuân là mùa đẹp nhất không

**Bài 8.** Đặt câu cho các trường hợp sau:

- a. Em hỏi cô về cách giải bài toán khó.


- b. Em kể về ông của mình.


- c. Em hỏi mẹ đường đến Hồ Gươm.


- d. Em kể về anh (chị) hoặc em của mình.










## PHIẾU CUỐI TUẦN 02

### I. Đọc – hiểu

Đọc văn bản sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

#### Ước mơ

Giờ Tập làm văn miệng, cô giáo ra đề: “Kể về ước mơ của em”.

Long giơ tay xin nói đầu tiên:

– Em muốn trở thành nhà du hành vũ trụ.

Cả lớp vỗ tay khen ước mơ của Long rất lớn lao.

Tiến mơ ước trở thành phi công. Dũng mơ trở thành lính thủy. Trang muốn thành cô giáo, Trà Mi muốn trở thành diễn viên múa,... Cả lớp hào hứng, ai cũng mơ ước lớn lên làm một nghề thật oách.

Riêng Vân ù xùi, chẳng nói gì. Cô giáo ngạc nhiên:

– Sao em không nói ước mơ của mình?

– Thưa cô, em chỉ ước mẹ em chóng khỏi bệnh. – Vân nói khẽ.

Cả lớp im lặng. Cô giáo dịu dàng nói:

– Ước mơ của Vân cho thấy em rất hiếu thảo. Mẹ Vân bị bệnh. Vân phải giúp ba chăm sóc mẹ, trông em mà vẫn học giỏi. Cô mong mẹ Vân sớm khỏi, ước mơ của Vân sẽ thành hiện thực.

(Theo Thu Hằng)

1. Đề văn yêu cầu học sinh làm gì?

- a. kể về gia đình Vân                      b. kể về ước mơ của mình                      c. kể về người con hiếu thảo

2. Trước đề văn cô giáo đưa ra, thái độ của các bạn trong lớp thế nào?

- a. Các bạn ù xùi.                      b. Các bạn chẳng nói gì.                      c. Các bạn rất hào hứng.

3. Thái độ của Vân thế nào trước đề văn đó?

- a. Vân rất hào hứng.  
b. Vân ù xùi, chẳng nói gì.  
c. Vân mãi nghĩ, không nghe gì.

4. Vân mơ ước điều gì?

- a. học giỏi                      b. trở thành cô giáo                      c. mẹ chóng khỏi bệnh

5. Cô giáo nhận xét gì về ước mơ của Vân?

- a. Đó là ước mơ rất lớn lao.  
b. Đó là ước mơ của người con hiếu thảo.  
c. Đó là ước mơ không dễ thành hiện thực.



## II. Bài tập

**Bài 1.** Gạch dưới các chữ viết sai trong câu rồi sửa lại:

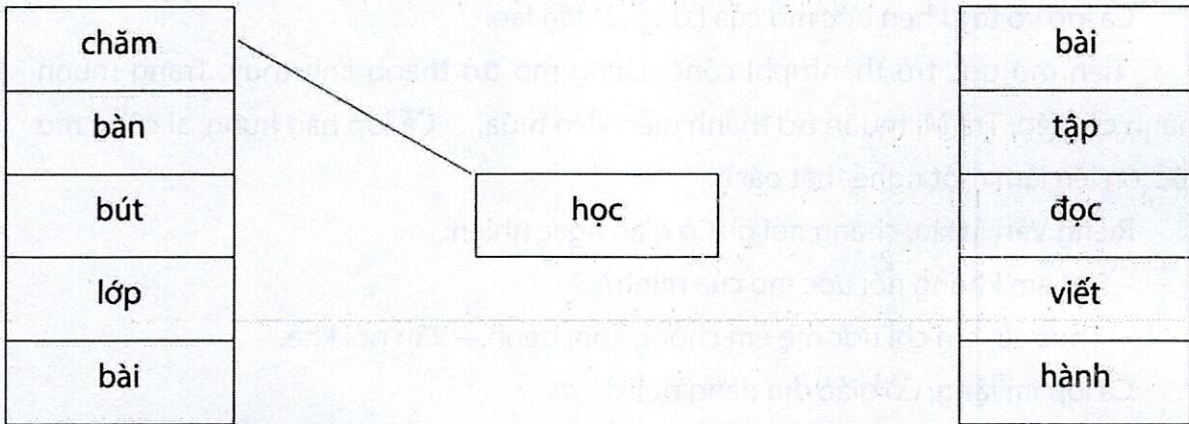
a. Bạn Bình luôn chú ý lắng nge cô giáo giảng bài.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Minh xấp xếp sách vở vào cặp để sách đến trường.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 2.** Nói theo mẫu để tạo từ:



**Bài 3.** Xếp các từ trong mỗi dòng sau thành 2 câu (viết hoa đầu câu):

a. chị / rất / em bé / yêu / ./


b. Vân / của / em / bạn / là / ./


c. Tiếng Việt / môn học / là / yêu thích / em / ./




## TUẦN 3: BẠN BÈ

### TẬP ĐỌC

“Bạn của Nai Nhỏ”

“Gọi bạn” (Theo Định Hải)

### KỂ CHUYỆN

“Bạn của Nai Nhỏ”

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt ng/ngh; tr/ch; dấu hỏi/dấu ngã

#### I. Kiến thức

##### 1. Quy tắc viết ng/ngh

– Âm **ng** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: “nghi ngút”, “lắng nghe”, “ngô nghê”, ...

– Âm **ng** đứng trước các âm còn lại như **a, ă, â, o, ô, ơ, ...**

Ví dụ: “ngon ngọt”, “ngay ngắn”, “ngân nga”, ...

##### 2. Phân biệt ch, tr

Ví dụ: “che chở”, “cây tre”, “chuyện trò”, ...

##### 3. Dấu hỏi, dấu ngã

Ví dụ: “ngõ nhỏ”, “lộng lẫy”, “bỏ ngỡ”, ...

#### II. Bài tập

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống thích hợp:

a. **ch/tr?**

“Quả gấc nào mà \_\_\_\_\_ ín

Cũng gặp được mặt \_\_\_\_\_ ời

Quả khế \_\_\_\_\_ ắp bao cánh

Bay tới những vì sao.

Còn bưởi cam ngọt ngào

Là vắng \_\_\_\_\_ ăng em đấy

Có thêm cả \_\_\_\_\_ ái thị

Cho đông đủ mùa thu.”

(Theo Nguyễn Đức Quang)

b. **ng/ngh?**

“Dù ai nói \_\_\_\_\_ ả nói \_\_\_\_\_ iêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.”



**Bài 2.** Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để tạo từ:

a. (chiều, triều) buổi \_\_\_\_\_, thủy \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ chuồng, \_\_\_\_\_ đình

b. (trung, chung) \_\_\_\_\_ thu, \_\_\_\_\_ kết, \_\_\_\_\_ thành, \_\_\_\_\_ thủy

c. (trâu, châu) con \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ báu, \_\_\_\_\_ cháu, \_\_\_\_\_ bò

**Bài 3.** Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. Điền "chung" hoặc "trung":

- trận đấu \_\_\_\_\_ kết

- phá cỗ \_\_\_\_\_ thu

b. Điền "chuyển" hoặc "truyền":

- vô tuyến \_\_\_\_\_ hình

- chim bay \_\_\_\_\_ càn

**Bài 4.** Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào các chữ in đậm:

a. đẹp **đề**

khuyên **nhu**

**chi** huy

gắn **gui**

**lanh** lót

**gia** gạo

ngoan **ngoan**

**manh** mai

ngắm **nghi**

**nghi** ngơi

quả **nhan**

nhan **nhan**

b. **Môi** khi cầm **quyên** sách, cậu **chi** đọc vài dòng **đa** ngáp ngáp dài, rồi **bo đơ**. **Nhưng** lúc tập viết, cậu **cung** chỉ nắn nót được mấy **chư** đầu, rồi lại viết nguệch ngoạc, trông rất xấu.

**Bài 5.** Tích dấu ✓ vào ô trống trước những dòng có tiếng in đậm viết đúng chính tả:

Thôi, đừng **ngỉ** ngơi nữa.

Căn nhà này rộng **rãi** lắm.

Cô giáo **mĩm** cười.

Họ cho là Mít chế **giểu** họ và dọa không chơi với Mít nữa.

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Từ chỉ sự vật

Câu kiểu "Ai là gì?"

### I. Kiến thức

#### 1. Từ chỉ sự vật

Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, loài vật, cây cối,...

Ví dụ: "bác sĩ", "căn phòng", "hươu nai", "hoa phượng", ...















## PHIẾU CUỐI TUẦN 03

### I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

#### Chim sẻ

“Trong khu vườn nọ có các bạn Kiến, Ong, Bướm, Chuồn Chuồn, Chim Sâu chơi với nhau rất thân. Sẻ cũng sống ở đó nhưng nó tự cho mình là thông minh, tài giỏi, hiểu biết hơn cả nên không muốn làm bạn với ai trong vườn mà chỉ kết bạn với Quạ.

Một hôm, đôi bạn đang đứng ở cây đa đầu làng thì bỗng một viên đạn bay trúng Sẻ. Sẻ hoảng hốt kêu la đau đớn. Sợ quá, Quạ vội bay đi mất. Cố gắng lắm sẻ mới bay về đến nhà. Chuồn Chuồn bay qua nhìn thấy Sẻ bị thương nằm bất tỉnh. Chuồn Chuồn gọi Ong, Bướm bay đi tìm thuốc chữa vết thương còn Kiến và Chim Sâu đi tìm thức ăn cho Sẻ.

Khi tỉnh dậy, Sẻ ngạc nhiên thấy bên cạnh mình không phải là Quạ mà là các bạn quen thuộc trong vườn. Sẻ xấu hổ nói lời xin lỗi và cảm ơn các bạn.”

(Theo Nguyễn Tấn Phát)

1. Sẻ tự cho mình là người như thế nào?

- a. thông minh, nhanh nhẹn, giỏi giang
- b. thông minh, tài giỏi, hiểu biết
- c. thông minh, hiểu biết, chăm chỉ

2. Khi Sẻ bị thương, Quạ đã làm gì?

- a. Quạ giúp đỡ Sẻ.
- b. Quạ vội bay đi mất.
- c. Quạ bay đi gọi các bạn đến giúp đỡ Sẻ.

3. Theo em, vì sao Sẻ thấy xấu hổ?

- a. Vì Sẻ không cẩn thận nên đã trúng đạn.
- b. Vì Sẻ đã kết bạn với Quạ.
- c. Vì Sẻ đã coi thường, không chịu kết bạn với các bạn trong vườn, những người đã hết lòng giúp đỡ Sẻ.

4. Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ chỉ sự vật?

- a. Quạ, Chim Sẻ, Chim Sâu, Ong
- b. nhà, Chuồn Chuồn, Kiến, tốt bụng.
- c. ngoan ngoãn, Quạ, Chim Sẻ, xinh đẹp



## II. Bài tập

**Bài 1.** Gạch dưới chữ viết sai chính tả và sửa lại:

ngơ ngạc

ngỗ ngược

trâu báu

ngiên ngã

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

lá che

che trở

ngô nghệ

ngè nhóng

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 2.** Gạch dưới các từ chỉ sự vật có trong hai dòng thơ sau:

"Cửa sổ là mắt của nhà

Nhìn lên trời rộng, nhìn ra sông dài."

**Bài 3.** Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Chiếc áo đỏ là kỉ vật thân thương của người cha để lại.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Con trâu là đầu cơ nghiệp.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Me là ngọn gió của con suốt đời.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 4.** Sắp xếp các câu dưới đây theo thứ tự hợp lí rồi đặt tên cho câu chuyện:

- Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, được thầy yêu bạn mến.
- Còn Vạc đành chịu đốt.
- Sợ chúng bạn chê cười, đêm đến Vạc mới dám bay đi kiếm ăn.
- Nhờ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp.
- Cò và Vạc là hai anh em nhưng tính nết rất khác nhau.
- Cò khuyên bảo em nhiều lần nhưng Vạc chẳng nghe.
- Còn Vạc thì lười biếng, không chịu học hành, suốt ngày chỉ rúc đầu trong cánh mà ngủ.




## TUẦN 4: BẠN BÈ

**TẬP ĐỌC** "Bím tóc đuôi sam" (Phỏng theo Ku-rô-y-a-na-gi)

"Trên chiếc bè" (Theo Tô Hoài)

**KỂ CHUYỆN** "Bím tóc đuôi sam"

**CHÍNH TẢ** Tập chép, nghe – viết

Phân biệt iê/yê, ân/âng, r/d/gi

### I. Kiến thức

#### 1. Phân biệt iê/yê

Ví dụ: "mặt biển", "yên lặng", "từ thiện", ...

#### 2. Phân biệt ân/âng

Ví dụ: "bâng khuâng", "cần cù", "ân nhân", ...

#### 3. Phân biệt r/d/gi

Ví dụ: "róc rách", "gia vị", "địu dàng", ...

### II. Bài tập

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. **r, d** hay **gi**?

_____án đậu	_____ế _____àng	_____ế cây	tôm _____ang
_____ao hàng	_____ảng bài	_____ạy học	_____iêng biệt

b. **iên** hay **yên** (thêm dấu thanh nếu cần):

"B\_\_\_\_\_ khơi xanh thắm

Sóng vỗ trập trùng

Từng chân đảo nhỏ

Cây bàng vuông xanh

H\_\_\_\_\_ ngang trước gió

Mặn hương vị b\_\_\_\_\_

Như lính hải quân

Canh đảo ngày đêm

Cho dù mưa giông

Hay là nắng cháy

Giữ \_\_\_\_\_ hải đảo

Cho "b\_\_\_\_\_" lặng \_\_\_\_\_"

(Sưu tầm)















**Bài 6.** Đặt câu hỏi về thời gian thích hợp với các câu trả lời sau:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Em thường đến trường lúc 7 giờ 30 phút.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Bố em đi công tác trong hai tuần.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Sinh nhật bạn Chi là ngày 21 tháng 8.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

– Ngày 1 tháng 6 là ngày Quốc tế Thiếu nhi.

**Bài 7.** Tìm từ chỉ sự vật để giải các câu đố sau:

a. "Hoa gì chỉ nở vào hè

Tùng chùm đỏ thắm, gọi ve hát mừng?"

(Là hoa gì?)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. "Chẳng ai biết mặt ra sao

Chỉ nghe tiếng thét trên cao ầm ầm."

(Là gì?)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. "Con gì sống ở trong hang

Hai càng, tám cẳng bò ngang suốt đời?"

(Là con gì?)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--







## PHIẾU CUỐI TUẦN 04

### I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

#### Kiến và Chim Gáy

“Một hôm, Kiến khát quá bèn bò xuống suối uống nước. Chẳng may trượt chân ngã, Kiến bị dòng nước cuốn đi. Chim gáy đậu trên cây, thấy kiến bị nạn liền bay đi cấp một cành cây khô thả xuống dòng nước để cứu. Kiến bám vào cành cây, thoát chết.

Ít lâu sau, Chim Gáy đang đậu trên cây rĩa lông, rĩa cánh, không trông thấy người đi săn nấp trong bụi cây. Người đi săn giương cung, lắp tên... Kiến thấy chim Gáy gặp nguy, vội vàng đến đốt thật đau vào chân người đi săn. Bị Kiến đốt đau quá, người đi săn kêu lên một tiếng. Nghe động, chim vỗ cánh bay đi. Thế là chim thoát nạn.

(Theo La Phong-ten)

1. Kiến bị dòng suối cuốn đi vì lí do gì?
  - a. Kiến xuống suối uống nước, bị trượt ngã.
  - b. Kiến đi kiếm ăn, bị trượt ngã xuống suối.
  - c. Kiến chẳng may bị gió thổi ngã xuống suối.
2. Thấy Kiến gặp nạn, Chim Gáy đã làm gì?
  - a. vội vã bay đi, gọi người đến cứu Kiến
  - b. gắp cành khô, thả xuống suối để cứu Kiến
  - c. vội bay sà xuống dòng suối để cứu Kiến
3. Thấy Chim Gáy sắp gặp nguy hiểm, Kiến đã làm gì?
  - a. đốt thật đau vào tay người bắn chim
  - b. kêu thật to để người đi săn giật mình
  - c. đốt thật đau vào chân người đi săn
4. Từ nào có thể thay thế từ “nấp” trong cụm từ “người đi săn nấp sau bụi cây”?
  - a. “tránh”
  - b. “trốn”
  - c. “núp”
5. Chim Gáy và Kiến đều có điểm gì tốt?
  - a. biết tự vượt qua nguy hiểm
  - b. biết giúp đỡ bạn bè khi thấy bạn gặp nạn
  - c. đoàn kết chống lại kẻ thù



## II. Bài tập

**Bài 1.** Thực hiện các yêu cầu:

1. Gạch dưới từ không thuộc nhóm trong mỗi dãy sau:

- a. bố mẹ, thầy cô, học sinh, kĩ sư, con nhím, đội viên
- b. máy giặt, bóng điện, hoa cúc, quạt trần, ấm điện, tủ lạnh
- c. bằng lăng, hồng xiêm, phượng vĩ, cá chép, xoan đào, sấu riêng
- d. chích choè, ngan, bói cá, rô phi, tủ li, ngỗng

2. Điền tiếp vào chỗ trống để nêu đúng tên của mỗi nhóm từ ở phần 1 (sau khi đã gạch dưới từ không thuộc nhóm):

Nhóm a là những từ chỉ \_\_\_\_\_ Nhóm b là những từ chỉ \_\_\_\_\_  
 Nhóm c là những từ chỉ \_\_\_\_\_ Nhóm d là những từ chỉ \_\_\_\_\_

**Bài 2.** Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong những câu sau:

"Đã sang tháng tám. Mùa thu về, vùng cao không mưa nữa. Trời xanh trong. Những dãy núi dài, xanh biếc. Nước chảy róc rách trong khe núi."

**Bài 3.** Viết câu hỏi hoặc câu trả lời thích hợp vào chỗ trống:

Câu hỏi	Câu trả lời
a. Hôm nay là thứ mấy?	
b. Bạn sinh vào ngày nào?	
c.	Ngày Tết của thiếu nhi là ngày mồng một tháng sáu.
d.	Một năm có mười hai tháng.
e. Một tuần có bao nhiêu ngày?	

**Bài 4.** Ngắt đoạn sau thành 3 câu và viết hoa chữ đầu câu:

"Long bị ốm và không đi học được bạn bè trong lớp đến thăm Long và chép bài giúp bạn ai cũng mong Long mau khoẻ để đến lớp học"











## TUẦN 5: TRƯỜNG HỌC

### TẬP ĐỌC

“Chiếc bút mực” (Theo Sva-rô)

“Mục lục sách”

### KỂ CHUYỆN

“Chiếc bút mực”

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt l/n, ia/ya, en/eng, i/iê

**Bài 1.** Chọn từ/tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. Một người \_\_\_\_\_ mặt đi với một người đeo mặt \_\_\_\_\_. (nạ, lạ)  
 b. Tôi uống ngon \_\_\_\_\_ một cốc sữa đậu \_\_\_\_\_. (nành, lành)  
 c. Mẹ mong sao con lớn \_\_\_\_\_ mạnh khỏe. (nên, lên)  
 d. Thanh \_\_\_\_\_ lẽ bê bao gạo rất \_\_\_\_\_. (nặng, lạng)

**Bài 2.** Điền vào chỗ trống **ia** hoặc **ya** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

đêm khu \_\_\_\_\_      cây m \_\_\_\_\_      ý ngh \_\_\_\_\_      t \_\_\_\_\_ nắng  
 phép ch \_\_\_\_\_      tình ngh \_\_\_\_\_      b \_\_\_\_\_ rượu      sớm khu \_\_\_\_\_

**Bài 3.** Điền vào chỗ trống **en** hoặc **eng** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. hoa s \_\_\_\_\_      cái x \_\_\_\_\_      tiếng k \_\_\_\_\_      bảng đ \_\_\_\_\_  
 kh \_\_\_\_\_ chê      chiếc xà b \_\_\_\_\_      x \_\_\_\_\_ kê      reng r \_\_\_\_\_

- b. “Âm thanh nghe rất qu \_\_\_\_\_  
 Tiếng k \_\_\_\_\_ vang giòn già  
 Đàn cá ch \_\_\_\_\_ chúc nhau  
 Quấy mình ăn vội vã.”

**Bài 4.** Điền **i** hoặc **iê** vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. mực t \_\_\_\_\_      quả s \_\_\_\_\_      thanh k \_\_\_\_\_      t \_\_\_\_\_ tưởng  
 lúa ch \_\_\_\_\_      ch \_\_\_\_\_ nổi      kim t \_\_\_\_\_      con k \_\_\_\_\_

- b. “V \_\_\_\_\_ t Nam đất nước ta ơi!  
 Mênh mông b \_\_\_\_\_ n lúa đâu trời đẹp hơn  
 Cánh cò bay lá dập dờn  
 Mây mờ che đ \_\_\_\_\_ nh Trường Sơn sớm ch \_\_\_\_\_ u.”

(Theo Nguyễn Đình Thi)



**LUYỆN TỪ VÀ CÂU** Tên riêng

Câu kiểu “Ai là gì?”

**I. Kiến thức****1. Viết hoa tên riêng**

Tên riêng của một người, một tỉnh, một thành phố, một con sông, một ngọn núi... được viết hoa.

Ví dụ: Nguyễn Quang Bình, dãy Hoàng Liên Sơn, sông Cửu Long,...

**2. Câu kiểu “Ai là gì?”**

- Câu kiểu “Ai là gì?” dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về người, sự vật, sự việc.
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai?” thường là từ chỉ người, con vật, đồ vật, cây cối... (bộ phận chính thứ nhất).
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Là gì?” thường nêu lời giới thiệu, nhận định về người, con vật, đồ vật, cây cối (bộ phận chính thứ hai).
- Giữa hai bộ phận chính của câu được nối với nhau bằng từ “là”.

Ví dụ:

Bộ phận chính thứ nhất	Từ nối	Bộ phận chính thứ hai
Mùa xuân	là	mùa đầu tiên của một năm.
Hòa	là	một lớp trưởng gương mẫu.

**II. Bài tập**

**Bài 1.** Gạch dưới từ chỉ tên riêng trong các câu sau:

- a. Việt Nam có nhiều loài hoa đẹp: lan, huệ, hồng, đào, mai...
- b. Các bạn Hoa, Lan, Huệ, Hồng, Đào và Mai đều đạt danh hiệu học sinh giỏi.

**Bài 2.** Gạch dưới các từ chỉ địa danh:

“Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,  
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn,  
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,  
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?”

Địa danh trên thuộc tỉnh/thành phố nào của nước ta? \_\_\_\_\_







**Bài 6.** Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Cô giáo là người mẹ thứ hai của em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Môn học yêu thích của em là Tiếng Việt và Toán.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hải Anh là người hát hay nhất lớp em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Gà rán là món ăn em yêu thích.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 7.** Thêm từ ngữ thích hợp để được các câu kiểu “Ai là gì?”:

a. “Quyển truyện này...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. “Thỏ và Gấu...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. “Ông lão...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**TẬP LÀM VĂN** Trả lời câu hỏi

Đặt tên cho bài

Luyện tập về mục lục sách

**I. Kiến thức**

Mục lục sách: Thường xuất hiện ở đầu hoặc cuối quyển sách. Mục lục bao gồm hai phần chính: tên bài, số trang tương ứng.







## PHIẾU CUỐI TUẦN 05

### I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

#### Đón ngày khai trường

“Hôm nay, một ngày cuối thu đầy nắng. Gió chạy khắp sân trường gọi lá bàng háo hức. Nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng xanh, làm tươi lên cái áo vôi vàng của ngôi trường.

Cổng trường rung lên rồi rộng mở. Sân trường tràn ngập những âm thanh lành lớt của bầy trẻ. Bọn trẻ tung tăng khắp chốn, kéo nhau lên gác, xô nhau xuống sân. Chúng ôm lấy thân cây bàng, giúi vào nhau cười trong những trò chơi đuổi bắt.

Tùng! Tùng! Tùng... Tiếng gọi đầm ấm của bác trống già vang lên. Từ gác trên lao xuống, từ trong lớp chạy ra,... học sinh dồn cả về phía sân trường. Tiếng hát cất lên, dồn dập trong tiếng vỗ tay. Kết thúc bài hát, giọng cô giáo ngân vang: “Ngày mai, chúng ta sẽ khai trường, bắt đầu một năm học mới!”

(Theo Lê Phương Liên)

#### 1. Đoạn 1 tả gió và nắng thế nào?

- Gió chạy khắp sân trường; nắng gọi những lá bàng xanh háo hức.
- Gió chạy đến gọi lá bàng; nắng nhảy nhót trên cái áo vôi vàng.
- Gió chạy khắp sân trường; nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng.

#### 2. Đoạn 2 tả cảnh gì?

- Cảnh học trò vui đùa nhộn nhịp, náo nức ở cổng trường.
- Cảnh học trò tung tăng vui đùa khắp nơi trong trường.
- Cảnh học trò kéo nhau xuống sân để chơi trò đuổi bắt.

#### 3. Đoạn 3 tả những âm thanh gì ở sân trường?

- tiếng trống, tiếng hát, tiếng chân đi, tiếng vỗ tay
- tiếng trống, tiếng hát, tiếng vỗ tay, tiếng cô giáo
- tiếng trống, tiếng cô giáo, tiếng học trò cười vui

#### 4. Đoạn trích miêu tả cảnh gì?

- cảnh học sinh vui chơi và háo hức chuẩn bị đón ngày khai trường
- cảnh học sinh háo hức vui chơi trong ngày khai trường
- cảnh sân trường đầy nắng, gió







## TUẦN 6: TRƯỜNG HỌC

### TẬP ĐỌC

“Mẫu giấy vụn” (Theo Quế Sơn)

“Ngôi trường mới” (Theo Ngô Quân Miện)

### KỂ CHUYỆN

“Mẫu giấy vụn”

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt s/x, ai/ay, dấu hỏi/dấu ngã

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. **s** hay **x**?

– Bé quét nhà cửa \_\_\_\_\_ạch \_\_\_\_\_ẽ quá!

– Mùi \_\_\_\_\_oài thơm dịu dàng, vị ngọt đậm đà, màu \_\_\_\_\_ắc đẹp, quả lại to.

– Những bông hoa màu \_\_\_\_\_anh lộng lẫy dưới ánh mặt trời buổi \_\_\_\_\_áng.

– Mới \_\_\_\_\_áng tinh mơ, Chi đã vào vườn hoa của trường. Em đến tìm những bông cúc màu \_\_\_\_\_anh.

b. **ai** hay **ay**? (thêm dấu thanh nếu cần)

vị c\_\_\_\_\_

mười h\_\_\_\_\_

bàn t\_\_\_\_\_

rửa t\_\_\_\_\_

ngày m\_\_\_\_\_

m\_\_\_\_\_ắm

chê b\_\_\_\_\_

xe t\_\_\_\_\_

**Bài 2.** Điền vào chỗ trống **ai** hoặc **ay** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

“Ng\_\_\_\_\_hôm qua ở lại

Trên cành hoa trong vườn

Nụ hồng lớn lên m\_\_\_\_\_

Đợi đến ng\_\_\_\_\_tỏa hương.”

(Theo Bế Kiến Quốc)

**Bài 3.** Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào chữ in đậm:

a. **Mơ** hộp thịt ra chỉ thấy toàn **mơ**.

b. Anh phải **ng**hi đến chuyện **ng**hi ngơi.

c. Ngôi nhà **nh**o trên **th**ao nguyên.

d. Hằng ngày, các bạn **tr**e cần năng tập **th**ê dục, tắm **r**ua sạch **se** **đ**ê cho thân **th**ê được **kh**oe mạnh.



**LUYỆN TỪ VÀ CÂU** Câu kiểu “Ai là gì?”

Khẳng định, phủ định

Mở rộng vốn từ (từ ngữ về đồ dùng học tập)

**Bài 1.** Gạch dưới các từ viết sai trong đoạn trích sau và sửa lại:

“Em bước vào lớp, vừa bỡ ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi chắng, cánh cửa sanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều xáng lên và thơm tho trong lẳng mùa thu.”


**Bài 2.** Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Chim Sẻ và Sáo Nâu là đôi bạn thân.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. “Chuyện con mèo dạy hải âu bay” là một cuốn sách rất nổi tiếng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bác Gấu Nâu là thầy giáo của Nai Nhỏ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 3.** Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Là gì?” trong mỗi câu sau:

- Ngày Tết của thiếu nhi là ngày mồng một tháng sáu.
- Ông tôi là một bác sĩ đã về hưu.
- Sở thích của em là nghe nhạc.
- Hồ là chúa tể rừng xanh.

**Bài 4.** Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai (cái gì, con gì)?” và gạch hai gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Là gì?” trong các câu sau:

- Mít là một cậu bé sinh ra ở thành phố Tí Hon.
- Chiếc cặp tôi mang là phần thưởng bố tặng.
- Sông Hồng và sông Cửu Long là hai con sông lớn của nước ta.
- Hôm nay, Nam là người đến lớp sớm nhất.



**Bài 5.** Giải các câu đố sau:

- a. “Vừa mềm vừa bé bóng thoi  
Mà làm sạch vết mực rơi mới tài.”  
(Là cái gì?) \_\_\_\_\_
- b. “Suốt đời đi với học sinh  
Sách vở bút thước trong mình tôi mang.”  
(Là cái gì?) \_\_\_\_\_
- c. “Bút gì màu đỏ màu xanh  
Mẹ mua cho bé vẽ tranh tô màu?”  
(Là cái gì?) \_\_\_\_\_
- d. “Cái gì dài một gang tay  
Bé vẽ, bé viết hằng ngày ngắn đi?”  
(Là cái gì?) \_\_\_\_\_

**TẬP LÀM VĂN** Khẳng định, phủ định

Luyện tập về mục lục sách

**Bài 1.** Mở một quyển truyện (gồm có nhiều câu chuyện) mà em yêu thích và ghi lại tên của 7 câu chuyện trong đó, cùng với số trang tương ứng.

Tên quyển truyện:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

STT	Tên truyện	Trang



**Bài 2.** Đọc trích đoạn mục lục quyển “Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám” (Nhà xuất bản Giáo dục, 2002) dưới đây:

STT	Tên truyện	Tác giả	Trang
1	“Ông Trọng thả diều”	Hà Ân	5
2	“Chuyện về một người thầy”	Hà Ân	14
3	“Cậu bé xấu xí”	Hà Ân	22
4	“Chuyện về một giấc mơ”	Hà Ân	30
5	“Đôi guốc bỏ quên”	Văn Biển	39
6	“Em bé bên bờ sông Lai Vu”	Vũ Cao	43
7	“Trước lăng mộ vua Quang Trung”	An Cương	66
8	“Nàng tiên đảo Ngọc”	Lý Biên Cương	75
9	“Nguyên và Thù”	Lý Biên Cương	80
10	“Em bé và bông hồng”	Trần Hoài Dương	86

Dựa vào đoạn mục lục trên, hãy điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

- Nhà văn có 4 truyện ngắn được in trong tuyển tập là \_\_\_\_\_.
- Truyện ngắn “Đôi guốc bỏ quên” của nhà văn \_\_\_\_\_ in ở trang \_\_\_\_\_.
- Truyện ngắn “Trước lăng mộ vua Quang Trung” của nhà văn \_\_\_\_\_ in ở trang \_\_\_\_\_.
- Nhà văn Lý Biên Cương có truyện ngắn \_\_\_\_\_ in ở trang 75.
- Truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Dương ở trang 86 có tên là \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_. Đây là truyện thứ \_\_\_\_\_ trong tuyển tập.



## PHIẾU CUỐI TUẦN 06

### I. Đọc – hiểu

Đọc bài thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

#### Ngày đầu tiên đi học

"Ngày đầu tiên đi học

Ngày đầu như thế đó

Mẹ dắt tay đến trường

Cô giáo như mẹ hiền

Em vừa đi vừa khóc

Em bây giờ cứ ngỡ

Mẹ dỗ dành yêu thương.

Cô giáo là cô tiên.

Ngày đầu tiên đi học

Em bây giờ khôn lớn

Em mắt ướt nhạt nhòa

Bỗng nhớ về ngày xưa

Cô vỗ về an ủi

Ngày đầu tiên đi học

Chao ôi! Sao thiết tha.

Mẹ cô cùng vỗ về."

(Theo "Cuộc sống và sự nghiệp")

1. Ngày đầu tiên đi học, ai là người đưa bạn nhỏ tới trường?

a. mẹ

b. bố và mẹ

c. mẹ và cô giáo

2. Hình ảnh bạn nhỏ ngày đầu tiên đi học như thế nào?

a. tươi vui, phấn khởi

b. rụt rè nép sau lưng mẹ

c. vừa đi, vừa khóc

3. Cô giáo đã làm gì khi thấy ngày đầu tiên đến trường bạn nhỏ khóc?

a. dỗ dành yêu thương

b. dắt tay vào lớp

c. vỗ về an ủi

4. Dòng nào dưới đây gồm các từ chỉ sự vật?

a. đi học, bàn, ghế, viết bài, nghe giảng

b. trường, cô giáo, sách, bút, thước kẻ

c. ngoan ngoãn, thông minh, chăm chỉ

5. Hình ảnh cô giáo trong buổi đầu bạn nhỏ đến trường được so sánh với ai?

a. mẹ hiền, cô tiên

b. người mẹ thứ hai

c. bà tiên

6. Viết tiếp vào chỗ trống để tạo câu theo mẫu "Ai là gì?".

a. Tên trường của em \_\_\_\_\_

b. Lớp của em \_\_\_\_\_



## II. Bài tập

**Bài 1.** Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. \_\_\_\_\_ đầu, dòng \_\_\_\_\_, bươn \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ xiết (chải, chấy)
- b. con \_\_\_\_\_, hôm \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ mai (nai, nay)
- c. giọt \_\_\_\_\_, bộ \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ sớm, \_\_\_\_\_ sườn (xương, sượng)

**Bài 2.** Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Nguyễn Hiền là người đố Trạng nguyên từ lúc 13 tuổi.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Phần thưởng của Hương là một chiếc bút mực.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Trà Mi là cô bé có khiếu âm nhạc.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Hang động là nơi ở của nhiều loài động vật.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 3.** Gạch dưới từ chỉ sự vật và giải câu đố:

"Áo em có đủ các màu

Thân em trắng muốt như nhau thẳng hàng

Mỏng dày là ở số trang

Lời thầy cô, kiến thức vàng trong em."

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



## LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 1)

**Bài 1.** Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“Một chú bé đang chăn cừu bỗng giả vờ kêu toáng lên:

– Sói! Sói! Cứu tôi với!

Nghe tiếng kêu cứu, các bác nông dân đang làm việc gần đấy tức tốc chạy tới nhưng chẳng thấy sói đâu.

Chú bé còn nói dối như vậy mấy lần nữa. Cuối cùng, sói đến thật. Chú bé hoảng hốt gào xin cứu giúp. Các bác nông dân nghĩ chú nói dối như mọi lần nên vẫn thản nhiên làm việc. Cuối cùng, bầy sói tự do ăn thịt hết đàn cừu.” (Sưu tầm)



1. Đặt tên cho câu chuyện trên.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Khi đang chăn cừu, chú bé đã giả vờ kêu toáng lên điều gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Nghe tiếng kêu của cậu bé, các bác nông dân chạy tới nhưng kết quả thì sao?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Vì mấy lần cậu bé nói dối, khi có sói đến thật, kết quả của bầy cừu như thế nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Em hãy cho cậu bé trong câu chuyện trên một lời khuyên.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 2.** Điền vào chỗ trống **tr** hay **ch**:

“Nên \_\_\_\_\_ ời rục hồng. Từng đàn én \_\_\_\_\_ ao lượn, bay ra phía biển. Những con tàu sơn \_\_\_\_\_ ắng đậu san sát, tung bay cờ đủ màu sắc, \_\_\_\_\_ ông \_\_\_\_\_ úng như những tòa lâu đài nổi ẩn hiện \_\_\_\_\_ ong gió ban mai.”







## TUẦN 7: THẦY CÔ

### TẬP ĐỌC

“Người thầy cũ” (Theo Phong Thu)

“Thời khóa biểu”

### KỂ CHUYỆN

“Người thầy cũ”

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt tr/ch, ui/uy, iên/iêng

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống **tr** hoặc **ch** cho thích hợp:

- \_\_\_\_\_ ưa đến \_\_\_\_\_ ưa mà \_\_\_\_\_ ời đã nắng \_\_\_\_\_ ang \_\_\_\_\_ ang.
- \_\_\_\_\_ ong \_\_\_\_\_ ạn, mẹ em để \_\_\_\_\_ én bát, \_\_\_\_\_ ai lọ.
- Các bạn đang chơi \_\_\_\_\_ ong \_\_\_\_\_ óng \_\_\_\_\_ ong nhà.
- Đó là một \_\_\_\_\_ àng \_\_\_\_\_ ai nghèo nhưng rất tốt bụng.
- Những \_\_\_\_\_ ồi non xanh đã \_\_\_\_\_ ồi lên khỏi lớp vỏ già nua.

**Bài 2.** Điền vào chỗ trống **iên** hoặc **iêng** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- k\_\_\_\_\_ nhẵn      h\_\_\_\_\_ hậu      h\_\_\_\_\_ ngang      sầu r\_\_\_\_\_
- bà t\_\_\_\_\_      s\_\_\_\_\_ năng      thiêng l\_\_\_\_\_      b\_\_\_\_\_ cương

b. “Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim ch\_\_\_\_\_ ch\_\_\_\_\_

Hót chi mà vang trời.”

(Thanh Hải)

**Bài 3.** Điền vào chỗ trống **ui** hoặc **uy** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- v\_\_\_\_\_ vé      ng\_\_\_\_\_ hiểm      l\_\_\_\_\_ tre      lau ch\_\_\_\_\_
- r\_\_\_\_\_ băng      chuột t\_\_\_\_\_      x\_\_\_\_\_ khiến      kh\_\_\_\_\_ áo

**Bài 4.** Gạch dưới từ viết sai chính tả và sửa lại:

“Chên nương, mỗi người một việc. Người lớn thì đánh châu ra đồng. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy trú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm.”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



**LUYỆN TỪ VÀ CÂU** Mở rộng vốn từ (từ ngữ về môn học)

Từ chỉ hoạt động

**I. Kiến thức**

**1. Vốn từ về môn học**

Ví dụ: "Toán", "Tiếng Việt", "Tiếng Anh", "Mĩ thuật", "Âm nhạc", ...

**2. Từ chỉ hoạt động**

Từ chỉ hoạt động: Là những từ nêu lên hành động, hoạt động của người, loài vật, ...

Ví dụ: "múa", "hát", "chạy nhảy", ...

**II. Bài tập**

**Bài 1.** Khoanh vào các từ ngữ gọi tên môn học:

Tiếng Việt	tô màu	Mĩ thuật	Địa lí
đánh đàn	tranh vẽ	tri thức	Đạo đức
tính toán	Toán	cắt dán	Tự nhiên và Xã hội

**Bài 2.** Chọn và điền các từ chỉ hoạt động, trạng thái thích hợp vào chỗ trống:

(ngậm, nghiêng, gặm, nhai, khóc, đâm, đổ, chạy, gặt, hái)

**Kể việc**

"Trâu _____ cỏ	Tre _____ măng	Bố _____ lúa
Thỏ _____ nhanh	Trăng có tán	Bà _____ trâu
Nai hiền lành	Đang hạn hán	Mẹ _____ rau
Trai _____ ngọc	Trời _____ mưa	Hãy mau mau
Cá sấu _____	Bé say sưa	Cùng kể tiếp."
Cóc _____ răng	Trưa mùa hạ	(Sưu tầm)

**Bài 3.** Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống:

- Thầy giáo \_\_\_\_\_ chúng em học bài.
- Các bạn nam đang \_\_\_\_\_ bóng đá.
- Mẹ \_\_\_\_\_ nhà cửa sạch sẽ, tinh tươm.
- Bố \_\_\_\_\_ cho em bộ quần áo mới.



**Bài 4.** Gạch dưới các từ chỉ hoạt động trong câu sau và trả lời câu hỏi:

“Bỗng một em gái đứng dậy, tiến tới chỗ mẩu giấy, nhặt lên rồi mang bỏ vào sọt rác.”

Hành động của bạn nhỏ trong câu văn trên đáng khen không? Vì sao?


**Bài 5.** Gạch dưới những từ chỉ hoạt động trong bài ca dao sau:

“Con mèo mà trèo cây cau

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?

Chú chuột đi chợ đàng xa

Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.”

**Bài 6.** Điền từ chỉ hoạt động, trạng thái vào chỗ chấm:

a. Cô giáo đã \_\_\_\_\_ cho em biết bao điều hay.

b. Đến trường học, em cần \_\_\_\_\_ thầy cô dạy bảo.

c. Cô giáo thường \_\_\_\_\_ rất tận tình.

d. Chúng em \_\_\_\_\_ theo lời khuyên của thầy cô.

**Bài 7.** Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Lan Anh là người bạn thân nhất của em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Bạn Minh Anh là học sinh tiêu biểu trong nhiều tháng liền.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Con chó là loài vật rất thông minh.

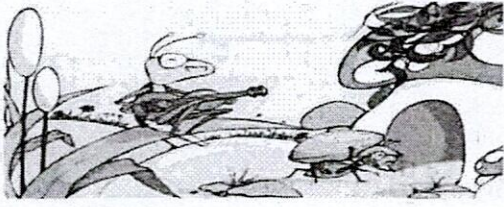
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



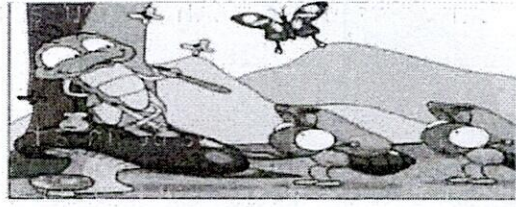
**TẬP LÀM VĂN** Kể ngắn theo tranh

Luyện tập về thời khóa biểu

Hãy kể câu chuyện "Ve Sầu và Kiến" theo tranh dựa vào gợi ý:



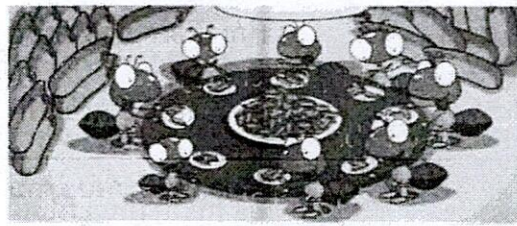
(1)



(2)



(3)



(4)

(1) "Ngày hè, những loài vật ca hát vui chơi, riêng Kiến ..."


(2) "Thấy Kiến đi qua, Ve Sầu ..."


(3) "Mùa đông đến, Ve Sầu ..."


(4) "Còn Kiến thì ..."




## PHIẾU CUỐI TUẦN 07

### I. Đọc hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

#### Ba người bạn

“Chuồn Chuồn, Ong và Bướm là ba người bạn cùng sống với nhau trong một khu vườn. Trong khi Ong suốt ngày tìm hoa làm mật thì Chuồn Chuồn và Bướm cứ mãi miết rong chơi.

Chuồn Chuồn chế nhạo:

- Cậu thật ngốc, chẳng biết gì là niềm vui trên đời này!

Bướm chê bai:

- Siêng năng thì ai khen đâu chứ!

Ngày nọ, một cơn bão ập đến. Cây cỏ trong vườn bị tan hoang. Chuồn Chuồn và Bướm chẳng còn gì để ăn cả.

Ong rú:

- Các cậu cùng về sống chung với tớ đi!

Chuồn Chuồn rất cảm động:

- Cảm ơn cậu! Chúng tớ ân hận lắm. Từ giờ chúng tớ sẽ chăm chỉ làm việc.”

(Sưu tầm)

1. Câu chuyện trên kể về những con vật nào?

- a. Ong và Bướm                      b. Ong, Chuồn Chuồn                      c. Chuồn Chuồn, Ong, Bướm

2. Khi thấy Ong chăm chỉ làm việc, Chuồn Chuồn và Bướm có thái độ và hành động gì?

- a. khen ngợi                      b. chế nhạo, chê bai                      c. cảm động, ân hận

3. Khi cơn bão ập đến, Ong đã đối xử với Chuồn Chuồn và Bướm như thế nào?

- a. Ong bỏ mặc và không quan tâm đến hai bạn của mình.  
b. Ong rủ Chuồn Chuồn và Bướm về sống chung với mình.  
c. Ong cười nhạo, chê bai hai bạn của mình.

4. Khi được Ong giúp đỡ trong cơn hoạn nạn, Chuồn Chuồn thế nào?

- a. cảm động, ân hận                      b. thờ ơ, lạnh lùng                      c. cảm động không nói nên lời

5. Tìm 1 câu kiểu “Ai là gì?” trong câu chuyện trên.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--







## TUẦN 8: THẤY CÔ

### TẬP ĐỌC

“Người mẹ hiền” (Theo Nguyễn Văn Thịnh)

“Bàn tay dịu dàng” (Theo Xu-khôm-lin-xki)

### KỂ CHUYỆN

“Người mẹ hiền”

### CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, ao/âu, uôn/uông

**Bài 1.** Điền vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. r, d hoặc gi:

– cá \_\_\_\_\_ ô                  \_\_\_\_\_ áo viên                  \_\_\_\_\_ ản dị                  \_\_\_\_\_ ọt sương

\_\_\_\_\_ an nhà                  \_\_\_\_\_ a đình                  \_\_\_\_\_ ạt dào                  nóng \_\_\_\_\_ an

– Đôi \_\_\_\_\_ ày này để rất \_\_\_\_\_ ày.

– Khi làm bài kiểm tra, không được \_\_\_\_\_ ở sách ra xem.

b. uôn hoặc uông:

– Cây có cội, nước có ng \_\_\_\_\_.

– Tháng bảy heo may, ch \_\_\_\_\_ ch \_\_\_\_\_ bay thì bão.

– \_\_\_\_\_ nước nhớ ng \_\_\_\_\_.

c. ao hay au:

lời ch \_\_\_\_\_                  chim s \_\_\_\_\_                  kh \_\_\_\_\_ khỉnh

con ch \_\_\_\_\_                  m \_\_\_\_\_ sắc                  m \_\_\_\_\_ gà

**Bài 2.** Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. (sáo, sáu) chim \_\_\_\_\_, số \_\_\_\_\_, huyết \_\_\_\_\_, điểm \_\_\_\_\_, thứ \_\_\_\_\_

b. (dán, gián, rán) \_\_\_\_\_ thư, \_\_\_\_\_ điệp, bánh \_\_\_\_\_, \_\_\_\_\_ mỡ, con \_\_\_\_\_

c. (cao, cau) \_\_\_\_\_ thấp, quả \_\_\_\_\_, hươu \_\_\_\_\_ cổ, \_\_\_\_\_ ráo, \_\_\_\_\_ có

**Bài 3.** Gạch dưới các chữ viết sai chính tả rồi sửa lại:

“Em yêu giòng kênh nhỏ \_\_\_\_\_

Chảy giữa hai dãy cây \_\_\_\_\_

Bên di dào sóng lúa \_\_\_\_\_

Gương nước in chời mây.” \_\_\_\_\_



## LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ hoạt động, trạng thái

### Dấu phẩy

#### I. Kiến thức

##### 1. Từ chỉ hoạt động, trạng thái

Từ chỉ trạng thái: Là những từ nêu lên tâm trạng, cảm xúc của người hoặc sự vật.

Ví dụ: “buồn”, “vui”, “hối hận”, “bâng khuâng”,...

##### 2. Dấu phẩy

Dấu phẩy dùng để ngăn cách các từ ngữ cùng một vai trò trong câu.

- Ví dụ: – “Hai anh em tôi đều là con ngoan, trò giỏi.”  
– “Hồng, cúc, thược dược đều thi nhau khoe sắc.”

#### II. Bài tập

**Bài 1.** Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong các câu sau:

- Chúng em luôn ngoan ngoãn vâng lời ông bà cha mẹ.
- Chú đi mãi gặp ai cũng hỏi thăm bố.
- Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây bãi cỏ.
- Con gà con vịt con ngan đều là gia cầm.
- Mẹ mua cho em rất nhiều thứ như: quần áo đồ chơi sách vở.
- Sáng dậy em đánh răng rửa mặt ăn sáng rồi đi học.

**Bài 2.** Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn trích sau:

“Từ xa nhìn lại cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào sáo sậu sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về lượn lên lượn xuống.”

(Theo Vũ Tú Nam)











# PHIẾU CUỐI TUẦN 08

## I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

### Bức tranh bàn tay

“Giờ học vẽ, cô giáo bảo mỗi học sinh vẽ một bức tranh thể hiện lòng biết ơn của các em.

Nhận tranh của học sinh, cô rất ngạc nhiên thấy tranh của Đức chỉ có hình một bàn tay được vẽ rất đơn giản, ngây ngô.

– Vì sao em vẽ bàn tay? Bàn tay đó của ai? – Cô giáo đến bên Đức và hỏi nhỏ cậu bé.

– Đó là bàn tay của cô đấy ạ. – Cậu bé thì thầm.

Cô giáo nhớ lại: Trong giờ giải lao, cô thường nắm tay Đức. Cô cũng làm thế với những học trò khác, nhưng với Đức, một cậu bé cô độc, ít nói, điều này rất có ý nghĩa.

Cô giáo cảm thấy mình vừa nhận được một món quà rất quý từ bức tranh.”

(Sưu tầm)

1. Câu chuyện trên xảy ra trong giờ học nào?

- a. Âm nhạc                      b. Mĩ thuật                      c. Tiếng Việt

2. Khi nhận tranh của Đức, thái độ của cô giáo như thế nào?

- a. vui vẻ                      b. giận dữ                      c. ngạc nhiên

3. Bức tranh "bàn tay" của Đức vẽ về ai?

- a. chính bản thân Đức      b. bạn cùng lớp với Đức      c. cô giáo của Đức

4. Câu nào dưới đây viết theo mẫu "Ai là gì?"?

- a. "Đức rất biết ơn cô giáo."  
b. "Đức vẽ bức tranh bàn tay."  
c. "Bức tranh là món quà tặng cô giáo."

5. Qua câu chuyện trên, em thấy "bức tranh bàn tay" của Đức nói lên điều gì?








## PHIẾU ÔN SỐ 2

**Bài 1.** Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

### Đi chợ

“Có một cậu bé được bà sai đi chợ. Bà đưa cho cậu hai đồng và hai cái bát, dặn:

– Cháu mua một đồng tương, một đồng mắm nhé!

Cậu bé vâng dạ, đi ngay. Gần tới chợ, cậu bỗng hốt hải chạy về, hỏi bà:

– Bà ơi, bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm?

Bà phì cười:

– Bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm mà chả được.

Cậu bé lại ra đi. Đến chợ, cậu lại ba chân bốn cẳng chạy về, hỏi:

– Nhưng đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương ạ?”

(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)

**1.** Cậu bé đi chợ mua gì?

a. mua mắm

b. mua tương

c. mua mắm và mua tương

**2.** Vì sao gần tới chợ cậu lại quay về nhà?

a. Vì cậu quên tiền.

b. Vì cậu không biết bát nào đựng mắm, bát nào đựng tương.

c. Vì cậu quên mang bát.

**3.** Vì sao bà phì cười khi nghe cậu hỏi?

a. Vì bát nào đựng mà chả được.

b. Vì bà buồn cười.

c. Vì cậu bé hay quên.

**4.** Lần thứ hai, cậu quay về hỏi bà điều gì?

a. Cậu hỏi bà lấy tiền để đi mua tương và mắm.

b. Cậu hỏi xem đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương.

c. Cậu hỏi bà lấy bát để đựng mắm, đựng tương.

**5.** Câu chuyện có mấy nhân vật? Đó là những ai?
















**Bài 7.** Sắp xếp lại các câu sau cho đúng thứ tự để có một đoạn truyện:

1. Bình minh, tia nắng đầu tiên gõ cửa nhà chim sâu.
2. Mùa này, chổi non nảy ra mơn mớn, nhưng cũng là lúc sâu bọ phá hoại nhiều.
3. Chú lao ngay tới rặng ổi quen thuộc để làm việc.
4. Chim sâu nhanh nhẹn trở dậy.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Bài 8.** Giới thiệu vài nét về bạn Na trong câu chuyện “Phần thưởng” (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 1, trang 13).


**Bài 9.** Viết 4 câu giới thiệu một số thành viên trong lớp theo kiểu câu “Ai là gì?”:

M: “Bạn Huy là lớp trưởng rất gương mẫu.”




# PHIẾU CUỐI TUẦN 09

## I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

### Sư Tử và Kiến Càng

“Sư Tử chỉ kết bạn với các con vật to khỏe như mình và cho rằng những con vật bé nhỏ chẳng có ích gì. Một lần, Kiến Càng đến xin kết bạn với Sư Tử liền bị Sư Tử xua đuổi.

Một hôm, Sư Tử cảm thấy đau nhức trong tai, không thể ra khỏi hang được. Bạn bè của Sư Tử đến thăm, Sư Tử nhờ các bạn chữa chạy giúp. Nhưng Voi, Hổ, Gấu, ... đều từ chối, mặc cho Sư Tử đau đớn.

Nghe tin Sư Tử đau tai, Kiến Càng không để bụng chuyện cũ, vào tận hang thăm Sư Tử. Kiến Càng bò vào tai Sư Tử và lôi ra một con rệp.

Sư Tử khỏi đau, hối hận vì đã đối xử không tốt với Kiến. Sư Tử vội vàng xin lỗi Kiến và từ đó coi Kiến Càng là người bạn thân nhất.”

(Theo Truyện cổ dân tộc Lào)

- Sư Tử chỉ kết bạn với loài vật nào?
  - loài vật có ích
  - loài vật to khỏe
  - loài vật nhanh nhẹn, thông minh
- Sư Tử đánh giá như thế nào về những con vật nhỏ bé?
  - yếu ớt
  - chẳng có ích gì
  - không tốt bụng
- Khi Sư Tử bị đau tai, bạn bè đã đối xử với Sư Tử như thế nào?
  - không đến thăm hỏi
  - đến thăm hỏi và tìm cách chữa chạy cho Sư Tử
  - đến thăm nhưng không giúp chữa chạy cho Sư Tử
- Ai đã giúp Sư Tử khỏi đau?
  - thầy thuốc
  - Kiến Càng
  - Voi, Hổ, Gấu
- Ai mới đúng là người bạn tốt của Sư Tử?
  - Kiến Càng
  - những con vật bé nhỏ
  - những con vật to khỏe

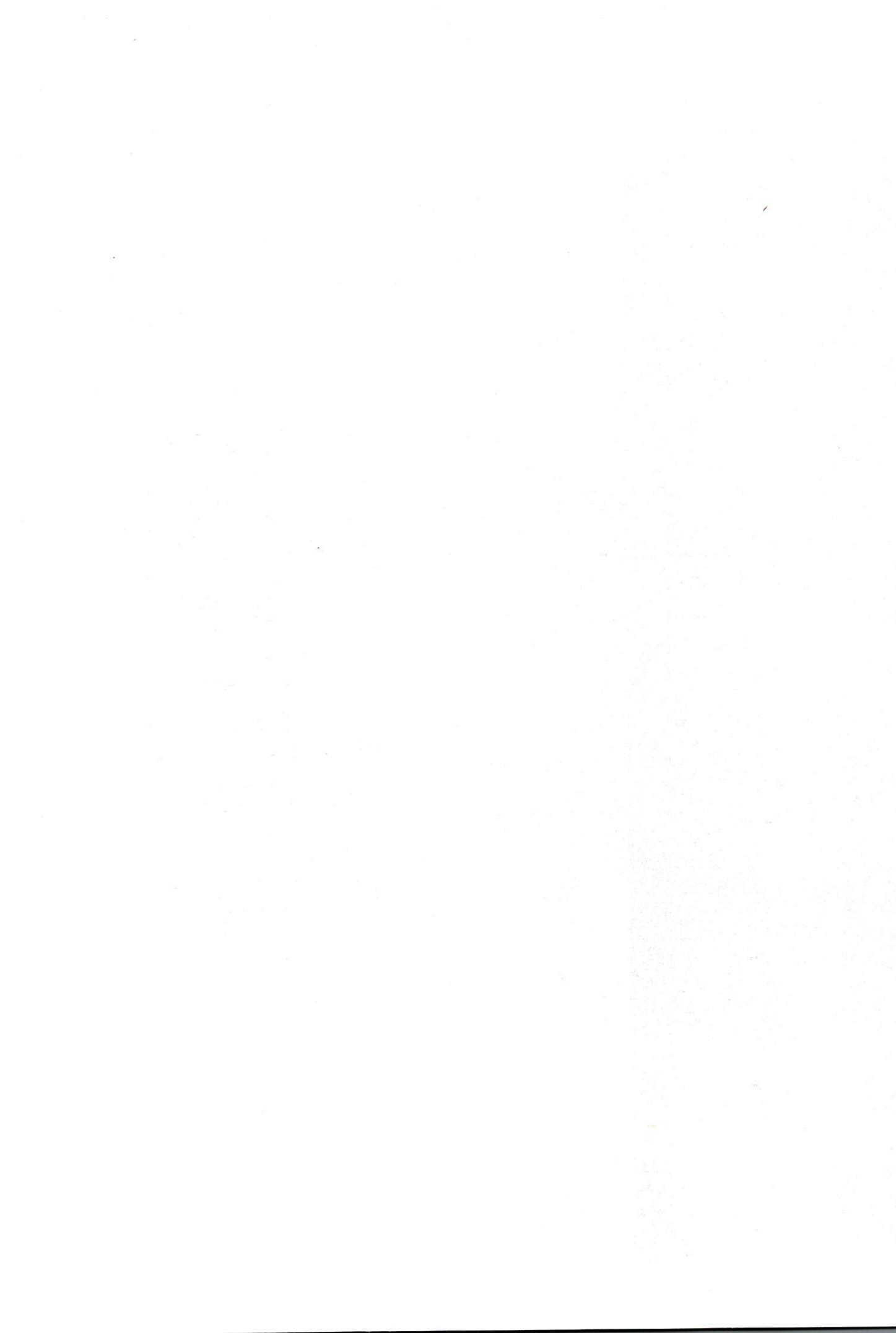




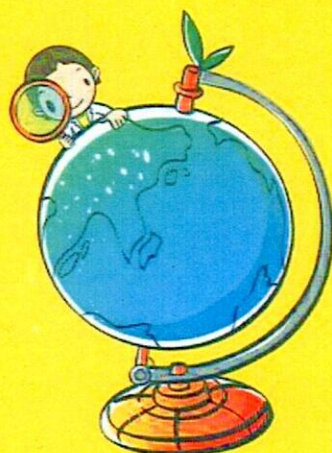












**ARCHIMEDES**

**MẦM NON ARCHIMEDES KIDS**

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 098 713 9906

**Tiểu học ARCHIMEDES ACADEMY**

Trường Công Gia Đình, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 094 306 6166

**THCS ARCHIMEDES ACADEMY**

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 094 769 2171

**TH. THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH**

Lũy 1-F1, Tân Dương, Đông Anh, Hà Nội  
ĐT: 039 235 3535